

DỰ THẢO XIN Ý KIẾN

BÁO CÁO

**Đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung
một số điều của Luật các Tổ chức tín dụng**

I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BẮT CẤP TỔNG QUAN

1. Bối cảnh xây dựng chính sách

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) đề xuất xây dựng các chính sách về xử lý nợ xấu, xử lý tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu nhằm tăng tốc, bút phá, thúc đẩy tăng trưởng và kiểm soát lạm phát trên các cơ sở chính trị, pháp lý và thực tiễn cũng như chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ. Cụ thể như sau:

1.1. Cơ sở chính trị

(i) Nghị quyết số 05-NQ/TW ngày 01/11/2016, Hội nghị lần thứ tư Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số chủ trương, chính sách lớn nhằm tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế, xác định chủ trương lớn trong cơ cấu lại thị trường tài chính là “ban hành các quy định hỗ trợ xử lý nợ xấu và cơ cấu lại các tổ chức tín dụng... bảo vệ lợi ích hợp pháp, chính đáng của chủ nợ; đồng thời, bố trí nguồn lực để xử lý nhanh và dứt điểm nợ xấu trong nền kinh tế”.

(ii) Đồng thời, Kết luận số 19-KL/TW ngày 14/10/2021 của Bộ Chính trị về định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV đã xác định mục tiêu hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển, tạo lập khung khổ pháp lý để thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2025 trong đó lưu ý “những vấn đề cấp bách, đã chín, đã rõ, được thực tiễn chứng minh, có sự thống nhất cao thì mới xây dựng, ban hành luật,... lấy quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người dân, doanh nghiệp làm trọng tâm;...”.

1.2. Cơ sở pháp lý

(i) Nghị quyết số 23/2016/QH14 ngày 07/11/2016 của Quốc hội về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2017 và Nghị quyết số 24/2016/QH14 ngày 08/11/2016 của Quốc hội về kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2016-2020 đã nêu rõ một trong những nhiệm vụ trọng tâm là “bảo vệ lợi ích hợp pháp, chính đáng của chủ nợ”.

(ii) Kế hoạch số 81/KH-UBTVQH ngày 05/11/2021 về triển khai thực hiện Kết luận số 19-KL/TW của Bộ Chính trị về Đề án định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV đề ra nhiệm vụ “nghiên cứu, xây dựng dự án Luật điều chỉnh về xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng, tài sản bảo đảm”.

(iii) Tại Nghị quyết số 63/2022/QH15, Quốc hội cũng đã giao Chính phủ nghiên cứu, đề xuất luật hóa các quy định về xử lý nợ xấu, tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu cùng với việc rà soát, sửa đổi, bổ sung Luật các Tổ chức tín dụng.

(iv) Bên cạnh đó, tại Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 06/01/2023 của Chính phủ phiên họp Chuyên đề về xây dựng pháp luật tháng 12 năm 2022, Chính phủ đã cơ bản thống nhất về sự cần thiết, mục tiêu, quan điểm xây dựng Luật các TCTD (sửa đổi) và chỉ đạo NHNN “xác định rõ, đầy đủ các bất cập, vướng mắc là do quy định của Luật hay do quá trình tổ chức thực hiện để đề xuất giải pháp sửa đổi, bổ sung phù hợp. *Trên cơ sở kế thừa các quy định hiện hành, nghiên cứu, rà soát để luật hóa các vấn đề đã chín, đã rõ được thực tiễn chứng minh là đúng trong hoạt động ngân hàng...*”. Sau 06 năm thực hiện, thực tiễn cũng đã chứng minh những hiệu quả tích cực mà Nghị quyết số 42/2017/QH14 đã đem lại khi trao cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ các biện pháp cần thiết và hữu hiệu nhằm rút ngắn thời gian xử lý nợ xấu và xử lý tài sản bảo đảm, góp phần khơi thông nguồn vốn tín dụng trong nền kinh tế.

1.3. Cơ sở thực tiễn và chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ

Năm 2025 được xác định là năm tăng tốc, bút phá để về đích cả nhiệm kỳ 2021-2025, Chính phủ đã đề ra mục tiêu đạt mức tăng trưởng ít nhất 8%, tạo thế, tạo đà, tạo lực, tạo khí thế để đất nước ta tăng trưởng 2 con số trong những năm tiếp theo. Ngày 11/02/2025, tại cuộc họp Thường trực Chính phủ làm việc với các ngân hàng thương mại, Thủ tướng Chính phủ đã đề nghị lấy đòn bẩy ngân hàng để phát huy, khai thác tiềm năng khác biệt, cơ hội nổi trội, lợi thế cạnh tranh, tạo động lực, xung lực mới trong phát triển đất nước; đồng thời, để ngành ngân hàng tăng tốc, bút phá trong năm 2025 và thời gian tới, góp phần thúc đẩy tăng trưởng và kiểm soát lạm phát, giữ vững ổn định vĩ mô và bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế, Thủ tướng Chính phủ đã đề ra các nhiệm vụ, giải pháp ngành ngân hàng và các ngân hàng thương mại cần tập trung thực hiện, trong đó bao gồm phối hợp chặt chẽ, hiệu quả với các cơ quan quản lý nhà nước, các cơ quan trong hệ thống chính trị trên tinh thần vì sự phát triển chung; và giao NHNN khẩn trương xây dựng hồ sơ, trình Quốc hội trong kỳ họp tháng 5 tới để luật hóa Nghị quyết số 42/2017/QH14 của Quốc hội về thí điểm xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng.

2. Mục tiêu xây dựng chính sách

Để khắc phục những vướng mắc, bất cập của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (sau đây gọi tắt là TCTD) và các tổ chức mua, bán, xử lý nợ xấu trong việc xử lý nợ xấu và xử lý tài sản bảo đảm (TSBĐ) của khoản nợ xấu, Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 42/2017/QH14 ngày 21/6/2017 về thí điểm nợ xấu.

Thực hiện Điều 19 Nghị quyết số 42/2017/QH14 và kết luận của Ủy ban Thường vụ Quốc hội tại Thông báo số 882/TB-TTKQH ngày 06/4/2022¹, Thông báo số 906/TB-TTKQH ngày 21/4/2022², Nghị quyết số 19/2022/UBTVQH ngày 18/4/2022³, Chính phủ đã có Báo cáo số 174/BC-CP ngày 11/5/2022 báo cáo Quốc hội tổng kết thực hiện Nghị quyết số 42/2017/QH14. Tiếp đó, thực hiện Nghị quyết số 63/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội về Kỳ họp thứ 3, Quốc hội khóa XV, Chính phủ đã nghiên cứu, đề xuất luật hóa các quy định về xử lý nợ xấu, TSBĐ của khoản nợ xấu cùng với việc rà soát, sửa đổi, bổ sung Luật các TCTD số 47/2010/QH12 và Luật số 17/2017/QH14 sửa đổi, bổ sung Luật các TCTD số 47/2010/QH12.

Luật các Tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 (Luật các TCTD) đã luật hóa một số quy định của Nghị quyết số 42/2017/QH14 như xử lý TSBĐ là dự án bất động sản; phân bổ lãi dự thu, chênh lệch khi bán khoản nợ xấu của TCTD, tổ chức mua bán, xử lý nợ. Luật các TCTD không luật hóa quy định về quyền thu giữ TSBĐ (trừ quy định về việc chuyển tiếp tại khoản 6 Điều 210 Luật các TCTD); cũng như quy định về kê biên TSBĐ của bên phải thi hành án và quy định về hoàn trả TSBĐ là vật chứng trong vụ án hình sự.

Việc không luật hóa các quy định về thu giữ TSBĐ, kê biên TSBĐ của bên phải thi hành án, hoàn trả TSBĐ là vật chứng trong vụ án hình sự đã dẫn đến hệ quả là khi hết hiệu lực thi hành Nghị quyết số 42/2017/QH14 (đến hết ngày 31/12/2023), các quy định liên quan đến (i) quyền thu giữ TSBĐ; (ii) kê biên TSBĐ của bên phải thi hành án; và (iii) hoàn trả TSBĐ là vật chứng trong vụ án hình sự tại Nghị quyết số 42/2017/QH14 không còn được áp dụng.

Các vướng mắc, khó khăn của TCTD, tổ chức mua bán, xử lý nợ liên quan đến các nội dung trên - đã được ghi nhận trước khi Nghị quyết số 42/2017/QH14 được ban hành - sẽ tiếp tục là nhân tố gây ra hạn chế trong công tác xử lý nợ xấu và xử lý TSBĐ gắn liền với khoản nợ xấu; làm kéo dài quá trình xử lý nợ xấu, ảnh hưởng đến việc cơ cấu lại hệ thống các TCTD, nhất là các TCTD yếu kém.

¹ Kết luận của UBTVQH về tổng kết thực hiện Nghị quyết số 42/2017/QH14 và dự thảo Nghị quyết kéo dài thời hạn áp dụng toàn bộ quy định của Nghị quyết số 42/2017/QH14

² Kết luận của UBTVQH về dự kiến Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2023, điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2022

³ Nghị quyết của UBTVQH về việc điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2022

Đặc biệt, khi không có công cụ hữu hiệu để xử lý nợ xấu, xử lý TSBD gắn liền với khoản nợ xấu, trong thời gian tới, việc xử lý nợ xấu nói chung và xử lý TSBD của khoản nợ xấu nói riêng bị chậm trễ, từ đó ảnh hưởng đến tình hình tài chính của các TCTD cũng như có thể hạn chế khả năng tiếp cận tín dụng của khách hàng là doanh nghiệp và người dân. Điều này đặt ra yêu cầu tiếp tục nghiên cứu để hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về xử lý nợ xấu, xử lý TSBD của khoản nợ xấu.

Do vậy, mục tiêu xây dựng chính sách - tiếp tục luật hóa các quy định của Nghị quyết số 42/2017/QH14 đã phát huy tốt hiệu quả trên thực tế - là tạo lập khuôn khổ pháp lý đồng bộ về xử lý nợ xấu, đảm bảo phù hợp với thực tiễn nhằm xử lý các vướng mắc, khó khăn đã và đang cản trở TCTD, tổ chức mua bán, xử lý nợ thực hiện các quyền hợp pháp của mình trong việc xử lý nợ xấu và TSBD của khoản nợ xấu, gián tiếp ảnh hưởng đến khả năng xoay vòng vốn cũng như tiếp cận tín dụng với chi phí hợp lý của người dân và doanh nghiệp. Đồng thời, việc xây dựng chính sách phải đảm bảo cân bằng giữa quyền lợi hợp pháp của TCTD, tổ chức mua bán, xử lý nợ với các quyền hợp pháp của bên bảo đảm tài sản, tránh tạo ra sự bất đối xứng giữa bên cho vay và bên đi vay.

II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH

NHNN đề nghị xây dựng dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các TCTD, cụ thể như sau:

1. Chính sách 1: Luật hóa quy định về quyền thu giữ TSBD

a) Xác định vấn đề:

Điều 301 Bộ luật dân sự 2015 quy định: “Trường hợp người đang giữ tài sản không giao tài sản thì bên nhận bảo đảm có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết, trừ trường hợp luật liên quan có quy định khác”.

Như vậy, trong trường hợp người đang giữ tài sản không giao tài sản, tổ chức mua bán, xử lý nợ, TCTD phải khởi kiện và chờ thi hành bản án, quyết định của Tòa án. Điều này cũng tạo áp lực lên cho các cơ quan xét xử. Bên cạnh đó, sự kéo dài về mặt thời gian cũng tạo nên tâm lý chây ì trả nợ của bên có nghĩa vụ. Đồng thời, pháp luật mới chỉ ghi nhận quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc người đang giữ tài sản không giao tài sản để bên nhận bảo đảm xử lý TSBD mà không quy định trực tiếp quyền thu giữ TSBD của bên nhận bảo đảm đã gây khó khăn rất lớn đến quyền xử lý TSBD của tổ chức mua bán, xử lý nợ và TCTD vì tổ chức mua bán, xử lý nợ cũng như các TCTD không thể thực hiện việc thu giữ nếu các chủ tài sản không đồng thuận, có tình chống đối, thậm chí tạo ra các tranh chấp khác liên quan đến TSBD nhằm kéo dài thời gian xử lý TSBD.

Bên cạnh đó, quá trình khởi kiện, tham gia tố tụng và tiến hành thi hành án theo quy định cho mỗi vụ án thường kéo dài nhiều năm, trong bối cảnh ngân hàng phải trích dự phòng rủi ro, dừng dự thu lãi trong khi vẫn phải trả chi phí huy động vốn hàng ngày. Thực trạng đó tạo ra rủi ro lớn, đặc biệt cho TCTD có hàm lượng cho vay bán lẻ tỷ trọng cao, hướng tới kích cầu, phải xử lý rất nhiều món nợ xấu giá trị nhỏ, địa lý phân tán, dẫn đến chi phí hoạt động cao trong vấn đề thu hồi nợ và làm giảm khả năng đẩy mạnh cho vay khách hàng, khó giảm được lãi suất cho vay.

Việc xử lý TSBD của tổ chức mua bán, xử lý nợ, TCTD bị kéo dài cũng làm ảnh hưởng tiêu cực đến kết quả của việc xử lý nợ xấu, dẫn đến khó có thể khơi thông được nguồn vốn của hệ thống ngân hàng, làm ảnh hưởng đến mức độ an toàn, lành mạnh của hệ thống ngân hàng và là một trong những nguyên nhân làm hạn chế việc tiếp cận tín dụng của khách hàng, hạn chế khả năng tăng trưởng tín dụng và tăng trưởng của nền kinh tế.

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề:

Xử lý vướng mắc của các TCTD, tổ chức mua bán, xử lý nợ trong quá trình xử lý TSBD, xử lý nợ xấu, nhằm đảm bảo cân bằng giữa quyền của chủ nợ và các quyền lợi hợp pháp của bên bảo đảm; đẩy nhanh tốc độ và giảm chi phí xử lý TSBD, xử lý nợ xấu, từ đó góp phần giảm chi phí các khoản cấp tín dụng, hạ lãi suất, tăng cường khả năng quay vòng vốn và tiếp cận tín dụng của người dân và doanh nghiệp; tránh để phát sinh và bùng phát tình trạng người dân, doanh nghiệp tiếp cận “tín dụng đen”.

c) Các giải pháp đề xuất:

Giải pháp 1: Bổ sung Điều 198a vào sau Điều 198 Luật các TCTD theo hướng cho phép TCTD, tổ chức mua bán, xử lý nợ được quyền thu giữ TSBD với các nội dung sau:

(i) Quy định rõ TCTD, tổ chức mua bán, xử lý nợ được quyền thu giữ TSBD. Việc thu giữ TSBD chỉ được thực hiện trong trường hợp hợp đồng bảo đảm có thỏa thuận về việc bên bảo đảm đồng ý cho bên nhận bảo đảm có quyền thu giữ TSBD của khoản nợ xấu khi phải xử lý TSBD theo quy định của pháp luật. Quy định này nhằm bảo đảm việc thu giữ TSBD đảm bảo tôn trọng quyền tự do, tự nguyện cam kết, thỏa thuận giữa các bên, phù hợp quy định của Hiến pháp và Bộ luật dân sự 2015.

(ii) Quy định về thu giữ TSBD không phải là việc thu giữ đơn phương, vô điều kiện mà phải tuân thủ phạm vi, giới hạn, điều kiện thu giữ. Đồng thời, cần quy định về trình tự, thủ tục thu giữ, công bằng, công khai, minh bạch, bảo đảm

quyền và lợi ích hợp pháp của bên có nghĩa vụ, TCTD và các bên có liên quan. Cụ thể: để thực hiện được việc thu giữ phải bảo đảm đáp ứng các điều kiện: (1) Khi xảy ra trường hợp xử lý TSBĐ theo quy định của pháp luật về dân sự; (2) Tại hợp đồng bảo đảm có thỏa thuận về việc bên bảo đảm đồng ý cho bên nhận bảo đảm có quyền thu giữ TSBĐ của khoản nợ xấu; (3) Biện pháp bảo đảm đã phát sinh hiệu lực đối kháng với bên thứ ba theo quy định của pháp luật về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ; (4) TSBĐ không phải là tài sản tranh chấp trong vụ án đã được thụ lý nhưng chưa được giải quyết hoặc đang được giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền; không đang bị Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời; không đang bị kê biên hoặc áp dụng biện pháp bảo đảm thi hành án theo quy định của pháp luật; (5) TCTD, tổ chức mua bán, xử lý nợ đã hoàn thành nghĩa vụ công khai thông tin về thời gian, địa điểm thu giữ TSBĐ, TSBĐ được thu giữ, lý do thu giữ dưới các hình thức: (a) Đăng tải thông tin trên trang thông tin điện tử của mình; (b) Gửi văn bản thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã và cơ quan Công an nơi có TSBĐ; (c) Niêm yết văn bản thông báo tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã; (d) Thông báo cho bên bảo đảm và bên cùng nhận bảo đảm, người giữ TSBĐ. Thời hạn thông báo được quy định là 15 ngày đối với bất động sản. Phương thức thông báo được thực hiện theo thỏa thuận hoặc gửi cho bên bảo đảm, bên thứ ba có liên quan bằng văn bản trực tiếp hoặc thông qua ủy quyền, dịch vụ bưu chính, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác.

(iii) Đồng thời, để tránh việc lạm dụng quyền thu giữ TSBĐ, cần quy định rõ trong quá trình thu giữ, TCTD không được áp dụng các biện pháp vi phạm điều cấm của pháp luật, trái đạo đức xã hội; TCTD chỉ được ủy quyền thu giữ cho công ty quản lý nợ và khai thác tài sản thuộc tổ chức tín dụng đó; tổ chức mua bán, xử lý nợ chỉ được ủy quyền thu giữ cho tổ chức tín dụng bán nợ, công ty quản lý nợ và khai thác tài sản thuộc TCTD bán nợ.

Giải pháp 2: Giữ nguyên hiện trạng quy định tại luật hiện hành

d) Đánh giá tác động của các giải pháp

Giải pháp 1:

* Tác động đối với hệ thống pháp luật:

Đề xuất xây dựng chính sách 1 phù hợp với Hiến pháp và Bộ luật dân sự.
Cụ thể:

+ Khoản 1 Điều 14 Hiến pháp 2013 quy định: “Ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các quyền con người, quyền công dân về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội được công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm theo Hiến pháp và pháp luật”.

+ Khoản 2 Điều 32 Hiến pháp 2013 quy định: “Quyền sở hữu tư nhân và quyền thừa kế được pháp luật bảo hộ”.

+ Điều 51 Hiến pháp 2013 quy định: “Nhà nước khuyến khích, tạo điều kiện để doanh nhân, doanh nghiệp và cá nhân, tổ chức khác đầu tư, sản xuất, kinh doanh; phát triển bền vững các ngành kinh tế, góp phần xây dựng đất nước”.

+ Điều 106 Hiến pháp 2013 quy định: “Bản án, quyết định của Tòa án nhân dân có hiệu lực pháp luật phải được cơ quan, tổ chức, cá nhân tôn trọng; cơ quan, tổ chức, cá nhân hữu quan phải nghiêm chỉnh chấp hành”.

+ Khoản 1 Điều 2 Bộ luật dân sự 2015 quy định về việc công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền dân sự như sau: “1. Ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các quyền dân sự được công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm theo Hiến pháp và pháp luật”.

+ Khoản 2, 3, 5 Điều 3 Bộ luật dân sự 2015 quy định: “2. Cá nhân, pháp nhân xác lập, thực hiện, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của mình trên cơ sở tự do, tự nguyện cam kết, thỏa thuận. Mọi cam kết, thỏa thuận không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội có hiệu lực thực hiện đối với các bên và phải được chủ thể khác tôn trọng. 3. Cá nhân, pháp nhân phải xác lập, thực hiện, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của mình một cách thiện chí, trung thực...5. Cá nhân, pháp nhân phải tự chịu trách nhiệm về việc không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ dân sự”.

+ Khoản 1 Điều 163 Bộ luật dân sự 2015 quy định: “Không ai có thể bị hạn chế, bị tước đoạt trái luật quyền sở hữu, quyền khác đối với tài sản”.

Như vậy, Hiến pháp 2013, Bộ luật dân sự 2015 đã quy định:

(1) Ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các quyền dân sự được công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm theo Hiến pháp và pháp luật;

(2) Cá nhân, pháp nhân xác lập, thực hiện, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của mình trên cơ sở tự do, tự nguyện cam kết, thỏa thuận;

(3) Mọi cam kết, thỏa thuận không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội có hiệu lực thực hiện đối với các bên và phải được chủ thể khác tôn trọng;

(4) Cá nhân, pháp nhân phải xác lập, thực hiện, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của mình một cách thiện chí, trung thực.

Trong quan hệ tín dụng giữa bên đi vay và bên cho vay thì khi bên đi vay có nhu cầu, bên cho vay đã đưa một khoản tiền cho bên đi vay sử dụng; và bên đi vay đã cam kết hoàn trả lại khoản tiền đó đúng thời hạn đã thỏa thuận. Để bảo

đảm cho việc thực hiện cam kết đó, bên đi vay hoặc bên thứ ba dùng tài sản của mình để bảo đảm cho khoản vay và ký thỏa thuận tự nguyện đồng ý cho bên cho vay xử lý tài sản bảo đảm nếu không trả được nợ, trong đó có thỏa thuận về việc bên bảo đảm đồng ý cho bên nhận bảo đảm có quyền thu giữ tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu khi xảy ra trường hợp xử lý tài sản bảo đảm theo quy định pháp luật.

Như vậy, việc thu giữ tài sản bảo đảm được thực hiện trên cơ sở thỏa thuận tự nguyện đã có giữa bên đi vay và bên cho vay.

Trường hợp trong hợp đồng đã có thỏa thuận thì việc thực hiện thu giữ chính là việc tôn trọng và tuân thủ quy định của hợp đồng, tôn trọng quyền và nghĩa vụ của các bên đã giao kết trước đó và cũng nhằm tôn trọng kỷ cương, trật tự xã hội.

Trường hợp trong hợp đồng bảo đảm không có thỏa thuận về thu giữ thì TCTD không được thực hiện thu giữ tài sản bảo đảm. Do đó, việc quy định tại dự thảo Luật về thu giữ tài sản bảo đảm không xâm phạm đến quyền con người, quyền công dân, quyền sở hữu theo quy định tại Hiến pháp, phù hợp với nguyên tắc quy định tại Điều 3 Bộ luật dân sự.

Ngoài ra, Điều 301 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: “Trường hợp người đang giữ tài sản không giao tài sản thì bên nhận bảo đảm có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết, trừ trường hợp luật liên quan có quy định khác”. Bộ luật dân sự năm 2015 không quy định trực tiếp về thu giữ nhưng đã ghi nhận một phần thông qua quy định cho phép các bên thỏa thuận về phương thức xử lý tài sản bảo đảm tại Điều 303, Điều 301 quy định trường hợp luật liên quan có quy định khác đối với trường hợp người đang giữ tài sản không giao tài sản thì quy định tại luật liên quan được áp dụng. Do đó, việc dự thảo Luật quy định về thu giữ tài sản bảo đảm để thu hồi, xử lý tài sản bảo đảm để hoàn trả các nghĩa vụ của khách hàng vay là đảm bảo tính thống nhất với quy định tại Điều 301 Bộ luật dân sự 2015.

* Tác động về kinh tế - xã hội:

- Tác động tích cực:

Đối với Nhà nước: Giải pháp không làm phát sinh chi phí cho hoạt động quản lý nhà nước nhưng có thể gia tăng nguồn thu ngân sách Nhà nước từ việc các bên có liên quan thực hiện nộp nghĩa vụ thuế do tăng thu, xử lý các khoản phải thu và TSBĐ. Đồng thời, quyền lợi của ngân hàng được đảm bảo sẽ khuyến khích ngân hàng có thêm động lực để cho vay, hạ lãi suất cho vay do giảm chi phí khi phải xử lý nợ, xử lý TSBĐ; từ đó, doanh nghiệp và người dân có điều kiện tiếp cận, huy động vốn với lãi suất hợp lý nhằm phát triển sản xuất, kinh doanh, góp phần tăng thu cho ngân sách nhà nước. Đồng thời, khi người dân và doanh

nghiệp được tăng cường khả năng tiếp cận tín dụng sẽ góp phần xóa bỏ “tín dụng đen”, từ đó góp phần giữ an ninh, trật tự xã hội, củng cố sự ổn định của hệ thống chính trị. Bên cạnh đó, khi bên vay (người dân và doanh nghiệp) ý thức được hệ quả pháp lý của việc không chủ động thanh toán các khoản nợ đúng hạn, bên vay sẽ có xu hướng đánh giá kỹ càng, sử dụng vốn vay an toàn và hiệu quả hơn, từ đó nâng cao nhận thức, năng lực tài chính của người dân, doanh nghiệp.

Ngoài ra, trường hợp luật hóa quy định về thu giữ TSBĐ thì TCTD, tổ chức mua bán, xử lý nợ có thêm lựa chọn mà không nhất thiết phải sử dụng đến việc giải quyết tranh chấp thông qua con đường tố tụng, từ đó gìn giữ được mối quan hệ tốt đẹp giữa bên vay và bên đi vay, đồng thời, giảm gánh nặng, áp lực cho hệ thống các cơ quan tư pháp.

- Tác động tiêu cực:

Đề xuất chính sách *không làm phát sinh tác động tiêu cực* cho đất nước cũng như cho người dân và doanh nghiệp do giải pháp này cân bằng, hài hòa hóa quan hệ giữa bên vay và bên đi vay; đồng thời, giải pháp này cũng đảm bảo không ảnh hưởng đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội do việc thu giữ TSBĐ phải tuân thủ quy trình nhất định mà không phải là sự thu giữ tự do, vô điều kiện.

*** Tác động về giới:**

Giải pháp không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách không mang tính phân biệt, được áp dụng chung.

*** Tác động của thủ tục hành chính:**

Giải pháp không làm phát sinh thủ tục hành chính mới nên không ảnh hưởng đến chi phí của doanh nghiệp, cá nhân.

Giải pháp 2:

*** Tác động đối với hệ thống pháp luật:**

Trường hợp giữ nguyên như hiện trạng, khuôn khổ pháp lý về thu giữ TSBĐ sẽ không được hoàn thiện. Điều 301 Bộ luật dân sự mới chỉ ghi nhận nguyên tắc về trách nhiệm giao TSBĐ mà không tạo ra một công cụ pháp lý hữu hiệu để bên có quyền thực hiện quyền yêu cầu giao TSBĐ.

*** Tác động về kinh tế - xã hội:**

- Tác động tích cực:

Giải pháp *không đem lại tác động tích cực* cho nhà nước cũng như không đem lại lợi ích cho người dân và doanh nghiệp do không tạo ra động lực để ngân hàng mở rộng hoạt động cấp tín dụng.

- Tác động tiêu cực:

Khuôn khổ pháp lý của Việt Nam về xử lý TSBĐ, xử lý nợ xấu khi không được hoàn thiện, không xử lý được những đặc thù của lĩnh vực ngân hàng sẽ mang lại những tác động tiêu cực cho nhà nước, cho người dân và doanh nghiệp.

Không giống như giao dịch dân sự thông thường, hoạt động ngân hàng được vận hành theo phương thức đi vay (nhận tiền gửi của người gửi tiền) để cho (doanh nghiệp, người dân) vay. Do vậy, ngân hàng chịu áp lực về thời gian cũng như chi phí để hoàn trả người gửi tiền khi được yêu cầu. Nếu áp dụng các quy định chung như đối với giao dịch vay dân sự (khởi kiện và chờ thi hành bản án, quyết định của Tòa án có thẩm quyền) hoặc không có quy định đặc thù riêng, quyền lợi của ngân hàng sẽ không được bảo vệ thích đáng, dẫn đến một mặt, ngân hàng không có khả năng hoàn trả tiền gửi cho người gửi tiền khi được yêu cầu, làm phát sinh các khủng hoảng tài chính theo hiệu ứng domino; mặt khác, ngân hàng không có động lực cho vay, dẫn đến vốn của ngân hàng không được xoay vòng, không tạo ra lợi nhuận, giá trị gia tăng cho nền kinh tế, khiến doanh nghiệp, người dân khó tiếp cận vốn vay hoặc tiếp cận vốn vay với chi phí cao.

Ngoài ra, ý thức trả nợ của một bộ phận khách hàng vay còn nhiều hạn chế, có thể lợi dụng sự thiếu hụt của khuôn khổ pháp lý để trì hoãn, chây ì trong việc trả nợ.

*** Tác động về giới:**

Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

*** Tác động của thủ tục hành chính:**

Giải pháp không làm phát sinh thủ tục hành chính mới nên không ảnh hưởng đến chi phí của doanh nghiệp, cá nhân.

đ) Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Từ các cơ sở trên, NHNN lựa chọn Giải pháp 1 do mang lại nhiều lợi ích tích cực cho Nhà nước, người dân và doanh nghiệp. Lựa chọn Giải pháp này, Chính phủ trình Quốc hội dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các TCTD.

1.2. Chính sách 2: Luật hóa quy định về kê biên TSBĐ của bên phải thi hành án

a) Xác định vấn đề:

Điều 90 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung) quy định cơ quan thi hành án dân sự có quyền kê biên tài sản cầm cố, thế chấp trong trường hợp người phải thi hành án không còn TSBĐ nào khác để thi hành án hoặc có mà không đủ nếu giá trị TSBĐ đó lớn hơn nghĩa vụ được bảo đảm và chi phí cưỡng chế thi hành án. Quy định này ảnh hưởng lớn đến quyền chủ nợ của bên nhận bảo đảm, làm gia tăng nợ xấu của hệ thống các TCTD, đặc biệt trong trường hợp TSBĐ hình thành từ vốn vay là nguồn chính để trả nợ cho TCTD. Trước đây, khi Điều 11 Nghị quyết số 42/2017/QH14 có hiệu lực, khó khăn của TCTD, tổ chức mua bán, xử lý nợ đã cơ bản được khắc phục, xử lý. Vì vậy, khi quy định này không được luật hóa tại Luật các TCTD, TCTD, tổ chức mua bán, xử lý nợ tiếp tục gặp khó khăn do TSBĐ có thể bị kê biên để thi hành án, kể cả để thực hiện các nghĩa vụ không phải thuộc trường hợp thi hành bản án, quyết định về cấp dưỡng, bồi thường thiệt hại về tính mạng, sức khỏe; điều này ảnh hưởng lớn đến quyền lợi chủ nợ của các TCTD, tổ chức mua bán, xử lý nợ.

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề

Khắc phục được khó khăn, vướng mắc của TCTD, tổ chức mua bán, xử lý nợ trong việc bảo đảm quyền lợi hợp pháp của mình nhưng vẫn đảm bảo việc thi hành án đối với một số nghĩa vụ như cấp dưỡng, bồi thường thiệt hại về tính mạng, sức khỏe.

c) Các giải pháp đề xuất:

Giải pháp 1: Bổ sung Điều 198b vào sau Điều 198 Luật các TCTD theo hướng TSBĐ của khoản nợ xấu của bên phải thi hành án đang bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ không bị kê biên để thực hiện nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự, trừ trường hợp thi hành bản án, quyết định về cấp dưỡng, bồi thường thiệt hại về tính mạng, sức khỏe hoặc trường hợp có sự đồng ý bằng văn bản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ.

Giải pháp 2: Giữ nguyên hiện trạng quy định tại luật hiện hành

d) Đánh giá tác động của các giải pháp

Giải pháp 1:

* Tác động đối với hệ thống pháp luật:

Giải pháp chính sách không ảnh hưởng tới quyền và nghĩa vụ của công dân theo Hiến pháp. Phương án đề xuất của NHNN vẫn tạo điều kiện để cơ quan thi hành án thực hiện việc thi hành bản án, quyết định về cấp dưỡng, bồi thường thiệt hại về tính mạng, sức khỏe hoặc trường hợp có sự đồng ý bằng văn bản của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ và vẫn đảm bảo việc thực hiện quyền lợi chính đáng và hợp pháp của chủ nợ. Tuy nhiên, giải pháp này xung đột với quy định tại Điều 90 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung). Để đảm bảo xử lý những đặc thù của lĩnh vực ngân hàng, giải pháp có thể được chấp nhận do Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã ghi nhận nguyên tắc tại khoản 3 Điều 156 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, theo đó, “trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật do cùng một cơ quan ban hành có quy định khác nhau về cùng một vấn đề thì áp dụng quy định của văn bản quy phạm pháp luật ban hành sau”.

* Tác động về kinh tế - xã hội:

- Tác động tích cực/lợi ích:

Đối với Nhà nước, giải pháp không làm phát sinh chi phí cho hoạt động quản lý nhà nước nhưng có thể gia tăng nguồn thu ngân sách Nhà nước từ việc các bên có liên quan thực hiện nộp nghĩa vụ thuế do tăng thu, xử lý các khoản phải thu và TSBĐ. Đồng thời, giải pháp này sẽ giúp khắc phục được vướng mắc, bất cập mà các ngân hàng đang gặp phải trên thực tế, từ đó, thúc đẩy ngân hàng gia tăng, mở rộng hoạt động cấp tín dụng, giảm chi phí, hạ mặt bằng lãi suất, tạo điều kiện để người dân, doanh nghiệp tiếp cận tín dụng với chi phí hợp lý hơn, từ đó, góp phần phát triển kinh tế của mọi thành phần và tổng thể của cả quốc gia, tạo những chuyển biến tích cực về chất và lượng của nền kinh tế.

- Tác động tiêu cực/chi phí:

Công tác thi hành án có thể gặp khó khăn và hạn chế về nguồn để thực hiện thi hành các bản án, quyết định. Tuy nhiên, giải pháp 1 vẫn tạo điều kiện để cơ quan thi hành án thực hiện việc thi hành bản án, quyết định về cấp dưỡng, bồi thường thiệt hại về tính mạng, sức khỏe hoặc trường hợp có sự đồng ý bằng văn bản của TCTD, tổ chức mua bán, xử lý nợ và vẫn đảm bảo việc thực hiện quyền lợi chính đáng và hợp pháp của chủ nợ.

* Tác động về giới:

Giải pháp không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách không mang tính phân biệt, được áp dụng chung.

* Tác động của thủ tục hành chính:

Giải pháp không làm phát sinh thủ tục hành chính mới nên không ảnh hưởng đến chi phí của doanh nghiệp, cá nhân.

Giải pháp 2:

* Tác động đối với hệ thống pháp luật:

Việc giữ nguyên hiện trạng không tạo ra các xung đột pháp lý với Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung) nhưng lại thiếu khuôn khổ pháp lý để việc xử lý nợ xấu, xử lý TSBĐ của khoản nợ xấu được thực hiện một cách hiệu quả.

* Tác động về kinh tế - xã hội:

- Tác động tích cực/lợi ích:

Đối với Nhà nước, giải pháp không làm phát sinh chi phí cho hoạt động quản lý nhà nước; công tác thi hành án có thể được đảm bảo. Tuy nhiên, giải pháp này không mang lại tác động tích cực, lợi ích cho người dân và doanh nghiệp trong việc tiếp cận tín dụng.

- Tác động tiêu cực/chi phí:

Ngân sách nhà nước có thể bị giảm thu do ngân hàng, doanh nghiệp và người dân đều bị ảnh hưởng do không xử lý được các khoản nợ xấu và TSBĐ của khoản nợ xấu. Người dân và doanh nghiệp có thể sẽ khó tiếp cận các nguồn tín dụng từ các ngân hàng hoặc tiếp cận tín dụng với chi phí cao, thậm chí bùng phát “tín dụng đen” do ngân hàng sẽ có xu hướng thu hẹp hoạt động cấp tín dụng hoặc tăng lãi suất để bù chi phí xử lý nợ và TSBĐ của khoản nợ.

* Tác động về giới:

Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

* Tác động của thủ tục hành chính:

Giải pháp không làm phát sinh thủ tục hành chính nên không ảnh hưởng đến chi phí của doanh nghiệp, cá nhân.

đ) Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Từ các cơ sở trên, NHNN lựa chọn Giải pháp 1 do mang lại nhiều lợi ích tích cực cho Nhà nước, người dân và doanh nghiệp. Lựa chọn Giải pháp này, Chính phủ trình Quốc hội dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các TCTD.

1.3. Chính sách 3: Luật hóa quy định về hoàn trả TSBĐ là vật chứng trong vụ án hình sự và bổ sung quy định về hoàn trả TSBĐ là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính

a) Xác định vấn đề:

Khoản 3 Điều 106 Bộ Luật Tố tụng hình sự mới chỉ quy định việc trả lại tài sản đã thu giữ, tạm giữ nhưng không phải là vật chứng *cho chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp* tài sản đó; hoặc trả lại vật chứng *cho chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp* nếu xét thấy không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án và thi hành án.

Tuy nhiên, pháp luật hiện hành chưa có quy định về việc hoàn trả tài sản/vật chứng là TSBĐ *cho bên nhận bảo đảm* sau khi cơ quan tiến hành tố tụng hoàn tất thủ tục xác định TSBĐ là vật chứng hay không phải vật chứng. Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến quyền xử lý TSBĐ của TCTD (bên nhận bảo đảm) cũng như ảnh hưởng đến tiến độ và hiệu quả xử lý nợ xấu của các TCTD, tổ chức mua bán, xử lý nợ. Do vậy, việc luật hóa quy định về hoàn trả tài sản là vật chứng trong vụ án hình sự cho bên nhận bảo đảm sẽ giúp khắc phục hạn chế trên.

Ngoài ra, khoản 1 Điều 126 Luật Xử lý vi phạm hành chính mới chỉ quy định: “Đối với tang vật, phương tiện vi phạm hành chính thuộc trường hợp bị tịch thu nhưng đã đăng ký biện pháp bảo đảm thế chấp tài sản theo quy định của pháp luật dân sự thì bên nhận thế chấp được nhận lại tang vật, phương tiện hoặc trị giá tương đương với nghĩa vụ được bảo đảm...” mà chưa quy định cụ thể trường hợp khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác định *không áp dụng hình thức tịch thu* đối với tang vật, phương tiện trong vụ việc vi phạm hành chính thì hoàn trả tang vật, phương tiện là TSBĐ *cho bên nhận bảo đảm*, dẫn đến việc cơ quan có thẩm quyền hoàn trả tài sản *cho chủ tài sản là bên bảo đảm*, khiến bên nhận bảo đảm (TCTD) có thể không còn TSBĐ, gây thiệt hại cho TCTD. Do vậy, việc bổ sung quy định về hoàn trả tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính sẽ giúp TCTD, tổ chức mua bán, xử lý nợ bảo vệ được quyền lợi hợp pháp của mình.

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề

Nhằm hoàn thiện các quy định, tạo hành lang pháp lý đầy đủ, toàn diện để kịp thời khắc phục các bất cập, vướng mắc có tính cấp bách trong thực tiễn, tháo gỡ điểm nghẽn trong công tác xử lý và thu hồi nợ xấu nhằm góp phần xây dựng kiến trúc thượng tầng đồng bộ, sẵn sàng để tăng tốc, bứt phá, thúc đẩy tăng trưởng của nền kinh tế, nhằm phát huy vai trò của ngành ngân hàng – là mạch máu của nền kinh tế.

c) Các giải pháp đề xuất:

Giải pháp 1: Nhóm giải pháp về sửa đổi, bổ sung Luật các TCTD

Bổ sung Điều 198c vào sau Điều 198 Luật các TCTD theo hướng sau khi hoàn tất thủ tục xác định chứng cứ và xét thấy không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án, cơ quan tiến hành tố tụng có trách nhiệm hoàn trả vật chứng trong vụ án hình sự là TSBĐ của khoản nợ xấu theo đề nghị của bên nhận bảo đảm là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ.

Đối với tang vật, phương tiện vi phạm hành chính là TSBĐ của khoản nợ xấu bị tạm giữ, cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm hoàn trả cho bên nhận bảo đảm là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ khi có đề nghị của các chủ thể này.

Giải pháp 2: Giữ nguyên trạng các quy định có liên quan tại luật hiện hành

d) Đánh giá tác động của các giải pháp

Giải pháp 1:

* Tác động đối với hệ thống pháp luật:

Việc lựa chọn Giải pháp 1 sẽ giúp tạo lập khuôn khổ pháp lý để khắc phục những thiếu sót hiện hành nhưng vẫn đảm bảo không tạo ra những xung đột lớn do Giải pháp 1 chỉ bổ sung những vấn đề chưa được quy định rõ, cụ thể trong văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

* Tác động về kinh tế, xã hội

- Tác động tích cực:

Giải pháp không làm phát sinh chi phí cho hoạt động quản lý nhà nước nhưng có thể giúp tăng thu ngân sách nhà nước do mang lại hiệu quả tích cực cho ngân hàng, người dân và doanh nghiệp. Tương tự tác động tích cực mà Giải pháp 1 của Chính sách 1 và 2 mang lại cho người dân và doanh nghiệp, Giải pháp 1 của Chính sách 3 cũng giúp bảo vệ quyền lợi hợp pháp của ngân hàng và tạo động lực để ngân hàng cho vay nhiều hơn với chi phí hợp lý hơn, từ đó, người dân và doanh nghiệp có điều kiện để phát triển sản xuất, kinh doanh và cải thiện chất lượng cuộc sống, tạo ra sự phát triển bền vững của mọi thành phần kinh tế.

- Tác động tiêu cực:

Giải pháp 1 không tạo ra tác động tiêu cực cho nhà nước do Giải pháp 1 chỉ làm rõ, bổ sung các nội dung, hoạt động mà các cơ quan quản lý nhà nước đang thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành. Đồng thời, giải pháp này cũng không tạo ra tác động tiêu cực cho doanh nghiệp, người dân.

* Tác động về giới:

Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

* Tác động về thủ tục hành chính:

Giải pháp không làm phát sinh thủ tục hành chính mới nên không ảnh hưởng đến chi phí của doanh nghiệp.

Giải pháp 2:

* Tác động đối với hệ thống pháp luật:

Việc giữ nguyên quy định hiện hành về bản chất sẽ khiến cho khuôn khổ pháp lý về việc xử lý nợ xấu, xử lý TSBĐ của khoản nợ xấu bị thiếu sót, điểm nghẽn về thể chế là điểm nghẽn của mọi điểm nghẽn, do vậy, sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của người dân và doanh nghiệp.

* Tác động về kinh tế - xã hội:

- Tác động tích cực:

Việc giữ nguyên hiện trạng quy định giúp không phát sinh chi phí sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới văn bản quy phạm pháp luật và không làm ảnh hưởng, xáo trộn hoạt động thông thường của các cơ quan quản lý nhà nước theo quy định hiện hành.

- Tác động tiêu cực:

Tuy nhiên, việc giữ nguyên quy định hiện hành không xử lý được vướng mắc, khó khăn của ngân hàng, từ đó, ngân hàng không có đủ nguồn lực, động lực tạo ra những bứt phá, không thể trở thành xung lực mới trong phát triển đất nước.

* Tác động về giới:

Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

* Tác động về thủ tục hành chính:

Giải pháp không làm phát sinh thủ tục hành chính mới nên không ảnh hưởng đến chi phí của doanh nghiệp.

đ) Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Từ các cơ sở trên, NHNN lựa chọn Giải pháp 1 do mang lại nhiều lợi ích tích cực cho Nhà nước, người dân và doanh nghiệp. Lựa chọn Giải pháp này,

Chính phủ trình Quốc hội dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các TCTD.

Trên đây là Báo cáo đánh giá tác động của các chính sách đối với Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các Tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/cáo);
- Các Phó TTCP (để b/cáo);
- Thống đốc NHNN;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Lưu: VP, PC, T.L.Anh.

THỐNG ĐỐC